

CÂU HỎI TU TỪ TẦNG BẬC TRONG THƠ CHẾ LAN VIÊN

PHẠM THỊ NHƯ HOA
(Trường THCS Cầu Giấy, Hà Nội)

1. Câu hỏi tu từ (CHTT) hay còn gọi là nghi vấn tu từ (*erotema*- Hy Lạp cổ; *interrogatis*-Latinh) từ lâu đã được tu từ học truyền thống miêu tả, phân tích và xem như là một trong những phương tiện diễn đạt giàu màu sắc biểu cảm. Phương tiện này xuất hiện không nhiều nhưng mỗi lần xuất hiện đều có ý nghĩa với những màu sắc tu từ đặc biệt. Cho đến nay, khái niệm CHTT đã được các học giả đưa ra với cùng một ý kiến thống nhất, đó là kiểu câu hỏi đưa ra mà không chờ đợi sự trả lời.

Theo D.E Rosental và M.A Telenkova thì “CHTT chứa đựng hình thức nghi vấn phủ định hay khẳng định nhưng không chờ đợi sự trả lời” [3, 61] vì “đã xác định điều đã biết đối với người nhận là không thể trả lời được” [5, 407- 408].

Vậy sự tồn tại của CHTT có ý nghĩa gì? Tác giả Henri Morier cho rằng CHTT “được nêu ra để kêu gọi một câu trả lời trong tâm trí người nghe, người đọc. CHTT tạo ra một cuộc đối thoại mà người đối thoại không nói nhưng kêu gọi hay khích lệ người đối thoại tham gia”. Theo quan niệm của tác giả thì “CHTT là một phương thức tu từ cú pháp, rất mềm dẻo và thực tế là có thấy người đối thoại, hay tưởng tượng ra người đối thoại thông minh đặt ra điều mình đã dự kiến” [4, 572-573].

Ở Việt Nam, các tác giả Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa xếp CHTT vào một trong những kiểu câu chuyển đổi tình thái điển hình nhất và được sử dụng để tăng cường tính diễn cảm của phát ngôn, đặc biệt là cách nói truyền cảm trong thơ.

2. Thơ là nơi để chủ thể trữ tình giải bày nỗi niềm tâm trạng của mình. Chính vì vậy, CHTT xuất hiện trong thơ trữ tình thường là câu hỏi bộc lộ tình cảm. Nhà thơ sử dụng CHTT tự hỏi mình

để giải bày tình cảm ở mức độ cao nhất những băn khoăn, những gợi nhớ, những điều trái ngược...

Trong thơ trữ tình, *nhân vật trữ tình – cái Tôi trữ tình – tác giả dường như hoà nhập làm một*. Rất khó phân tách ba đối tượng này một cách cụ thể, rõ ràng. CHTT xuất hiện trong thơ chính là phát ngôn của tác giả - của nhân vật trữ tình. Vì thế CHTT cũng mang lại dấu ấn cá nhân, cảm xúc cá nhân. Do đó khám phá CHTT chính là một trong những cách tiếp cận đến chiều sâu tâm hồn của mỗi nhà thơ.

Trong thơ trữ tình, người làm thơ phân thân dùng CHTT để tự hỏi và tự trả lời hay gợi ý cho người đọc trả lời. Đối tượng mà CHTT hướng tới thường chính là bản thân chủ thể. Ngay cả khi CHTT hướng tới một đối tượng khác thì cũng là để diễn tả tâm trạng của chính chủ thể trữ tình. Do vậy thơ trữ tình thường là thơ một giọng điệu. Xuyên suốt tác phẩm, người đọc có thể gặp nhiều điệu cảm xúc, nhưng tất cả đều thống nhất trong một giọng của chủ thể trữ tình mà thôi.

Cơ sở nhận diện ra CHTT chính là ngữ cảnh tu từ xung quanh CHTT đang xét. Ngữ cảnh tu từ được chia làm hai loại: ngữ cảnh tu từ rộng và ngữ cảnh tu từ hẹp. Ngữ cảnh tu từ hẹp là những yếu tố đứng trước hoặc sau một tiêu điểm tu từ đang xét. Ngữ cảnh tu từ rộng là những yếu tố có quan hệ tương thích với tiêu điểm tu từ. Những yếu tố này có thể bao gồm nhiều yếu tố về môi trường, phong tục, tập quán, không gian, mục đích đối thoại.

Tuy nhiên, ngữ cảnh tu từ trong thơ không có nhiều yếu tố nhận diện như trong văn xuôi. Ngữ cảnh tu từ xung quanh CHTT trong thơ là lời thơ đứng trước và sau CHTT, là giọng điệu bài thơ, là mạch cảm xúc, là âm hưởng... Những yếu tố này đòi hỏi sự mẫn cảm và đồng cảm của người đọc.

Trong nền thơ trữ tình hiện đại, thơ Chế Lan Viên lôi cuốn người đọc bởi chiều sâu của chất trí tuệ. Khám phá di sản thơ ca đồ sộ của thi sĩ gồm 13 tập thơ với tổng số 1019 bài chúng tôi thống kê được số lượng lớn CHTT: 615 - chiếm tỉ lệ 60% mỗi bài.. Tại sao CHTT lại xuất hiện nhiều trong thơ Chế Lan Viên như vậy? Khi CHTT là phương tiện để bộc lộ tình cảm thì phải chăng đây chính là chìa khóa cơ bản để khám phá chiều sâu thế giới tâm hồn giàu màu sắc và đầy chất bí ẩn như Chế Lan Viên?

3. CHTT tầng bậc là loại dạng câu khá độc đáo xuất hiện trong thơ chế Lan Viên với số lượng 143 câu, chiếm 29%. Gọi là CHTT vì ngữ cảnh làm nền cho một CHTT cũng chính là những CHTT khác với mô hình: (CHTT)₁ + (CHTT)₂ + ... (CHTT)_n + Ø (Ø: Yếu tố zero (yếu tố không)). Hàng loạt các CHTT liên tiếp được đưa ra diễn tả mạch cảm xúc đang trào dâng. Những ý tưởng, những bản thảo cứ gổ đầu nhau liên tiếp như những con sóng thủy triều. Các vấn đề nêu lên đều muốn đẩy lên tới tận cùng, được khai thác triệt để chỉ vì vậy mà ở dạng CHTT này, yêu cầu về tính đối thoại đặt lên cao hơn bao giờ hết. Người đối thoại, người nghe như bị dồn vào tới đường cùng, hoặc phải trả lời hoặc phải tự nhận ra chân lí.

CHTT tầng bậc trong thơ Chế Lan Viên có hai dạng thể hiện chính: CHTT tầng bậc lặp về cấu trúc; CHTT tầng bậc trùng lặp về nội dung hỏi.

Trong kiểu CHTT tầng bậc lặp về cấu trúc, ta bắt gặp nhiều nhất là dạng lặp cấu trúc của kiểu câu hỏi lựa chọn với quan hệ từ "hay":

*Trên đồi lạnh, thấp Chàm sao ủ rũ
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi ?
Hay lãnh đạm Hời không về tháp cũ ?
Hay xuân sang, Chiêm nữ chẳng vui cười ?*

[1; 69]

*Đầy muôn vật chìm sâu trong im lặng
Mà lòng ta thổn thức mãi không nguôi
Hay người khóc vì tháp Chàm quanh vắng ?
Hay khóc vì Xuân đến gạch Chàm rơi ?*

[1; 108]

Đặc điểm của CHTT lặp cấu trúc quan hệ từ lựa chọn "hay" là bản thân trong câu hỏi đã có câu trả lời giả định. Hàng loạt sự trả lời giả định đưa ra tạo thành một chuỗi CHTT liên tiếp. Nhưng tồn tại hàng loạt câu trả lời cũng có nghĩa là không có một câu trả lời duy nhất đúng, nghĩa là bản thân chủ thể đang trong tâm trạng rất nhiều mơ hồ, mông lung. Đưa ra nhiều sự lựa chọn nhưng rốt cuộc chính chủ

thể lại không lựa chọn cho mình được một sự giải đáp, cũng có nghĩa là bản thân chủ thể đang bế tắc trong sự tìm kiếm câu trả lời. Các CHTT được đưa ra kế tiếp gổ đầu nhau, câu trước là ngữ cảnh tồn tại cho câu sau đồng thời sự xuất hiện của câu sau tương đương với sự phủ định câu trả lời phía trước. Tất cả đều gộp lại để trở thành một câu trả lời lấp lửng: có thể là không có câu trả lời đúng mà cũng có thể là tất cả câu trả lời đều đúng.

Bên cạnh đó ta còn gặp dạng CHTT lặp cấu trúc kiểu: "Có phải + (P) ?", "Có + (P) ?":

*Tội ác còn chuyển rung bao thớ thịt,
Tiếng guom đưa thẩu đến não cân ta,
Có phải chẳng còn trào bạo suối huyết ?
Có phải chẳng còn dôi tiếng đầu sa ?*

[1; 70]

*Có phải ta vừa giành được non sông, có phải ?
Có phải chớp mắt nhìn trời đất đã về ta ?
Có phải ba chục năm trời hay mới hôm qua ?*

[1; 659]

Đặc điểm của kiểu CHTT lặp cấu trúc "Có phải + (P)?" "Có + (P) ?" là trong mỗi câu hỏi có thể đã là một sự khẳng định. Các CHTT ở đây đều hướng về cùng một nội dung, đều cùng khẳng định nhấn mạnh thêm cho một câu trả lời. Sự lặp lại của các CHTT ở đây khác với sự lặp lại của kiểu CHTT lặp cấu trúc lựa chọn ở trên. Kiểu lặp CHTT có cấu trúc lựa chọn thể hiện sự băn khoăn của bản thân chủ thể khi đưa ra quá nhiều giả thiết cho một câu hỏi chỉ đòi hỏi duy nhất một câu trả lời. Còn ở kiểu CHTT lặp cấu trúc "Có phải + P?", "Có + P ?" CHTT này là tiêu điểm đồng thời là ngữ cảnh làm nền cho CHTT kia và ngược lại. Sự tồn tại của chúng không phủ nhận nhau mà chính là bổ trợ, tác động hỗ trợ lẫn nhau.

Các từ nghi vấn "chi", "đâu", "sao", "nào"...cũng được sử dụng nhiều trong CHTT thơ Chế Lan Viên và mỗi lần lại mang một sắc màu tu từ riêng:

Hoa Lư ở đâu ?

Hoa lau ở đâu ?

Hồn lau ở đâu ?

Hồn ta ở đâu ?

[1; 224]

Vì sao hể cách xa em

Trời lại đổ mưa về sáng ?

Vì sao em đã đi vắng

Anh còn chịu trận mưa đêm ?

[1; 267]

Đặc điểm của kiểu CHTT lập các đại từ nghi vấn là muốn tìm kiếm câu trả lời thực sự. Có thể đó là câu hỏi về địa điểm, về hành động, về bản chất sự vật, về đối tượng... Nhìn bề ngoài, CHTT lập các đại từ nghi vấn giống với kiểu câu hỏi đích thực khi đích cuối cùng là tìm câu trả lời. Tuy nhiên, cần lưu ý sự khác biệt độc đáo để những câu hỏi này trở thành CHTT là ở chỗ đối tượng được hỏi ở đây hoàn toàn không có khả năng trả lời. Hoa Lư, hoa lau, hôn lau,... bản thân chúng không thể tự lên tiếng trả lời và đối tượng "em" cũng không thể lí giải được nỗi buồn "mưa sáng" "mưa đêm" trong lòng "anh". Tất cả các câu hỏi đó thực chất là được đặt ra với chính cái tôi trữ tình. Nhưng chính cái Tôi đó cũng đang tự đi tìm cho mình câu trả lời, tuy nhiên câu trả lời không phải dễ tìm và hơn nữa là dễ thuyết phục một con người khó tính và luôn trăn trở như nhân vật "Tôi".

Tóm lại, kiểu CHTT lập về cấu trúc thực chất chính là sự lặp lại liên tiếp một cấu trúc câu hỏi để diễn tả nỗi băn khoăn lớn trong lòng chủ thể trữ tình. Câu hỏi càng nhiều tầng bậc thì nỗi trăn trở lại càng sâu. NCTT làm nền cho CHTT ở đây chính là cấu trúc tầng bậc của các kiểu CHTT có cùng kết cấu.

Với văn bản nghệ thuật thì hình thức chính là nội dung và nội dung cũng chính là hình thức. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cố phân biệt rạch ròi kiểu CHTT lập về cấu trúc và kiểu CHTT trùng lặp về nội dung hỏi vì muốn tìm hiểu rõ hơn về những vấn đề khiến nhà thơ trăn trở nhiều nhất được thể hiện bằng CHTT tầng bậc trong một văn bản, thậm chí là nhiều văn bản.

CHTT được tác giả sử dụng nhiều nhất khi bàn tới giá trị văn chương và con đường sinh mệnh của nó. Những tác phẩm văn chương sống giữa cuộc đời, dù quá khứ hay hiện tại, dù của người đi trước hay của chính bản thân tác giả đều được đem ra để lục vấn. Mà điều tác giả băn khoăn không phải ở vẻ đẹp của thơ ca, là cống hiến của nó cho đời mà ông trăn trở về nỗi đau mà mỗi tác giả đã gửi gắm trong mỗi vần thơ. Nghĩa là tác giả chất vấn về dấu ấn phong cách mà mỗi người đã để lại được trong các tác phẩm của mình. Những câu hỏi này cứ trở đi trở lại trong cùng một bài thơ, thậm chí trong nhiều bài thơ:

Trang thơ còn đau hơn? Trang đã cháy đau hơn?

Trang còn buồn hơn hay trang mất đau hơn?

[1; 281]

Những câu thơ ta đã gửi lại

Một phần khôn chín phần trót đại

Nhưng biết đâu ở những câu thơ đại khờ ta mới thực là ta?

Hoa đại giữa rừng ai chẳng bảo là hoa?

[2; 562]

Đồng thời với nỗi niềm trăn trở, đau đầu với văn chương, Chế Lan Viên hay đặt câu hỏi triết học về con người, về chính bản thân mình:

Con người ngẩng lên trời làm triết học

Ta là ai? Về đâu? Hạt móc

Là ta chẳng? Dòng sông là ta chẳng? Tiếng khóc

Là ta chẳng? Vì sao lạc phương trời

Là ta chẳng? Ta chưa kịp trả lời

Thì sông đã cuốn ta vào bóng tối

[2; 327]

Ví dụ tôi mà trờ cây đi, trờ hoa quả đi thì sẽ là ai?

Tôi trờ mây Hoàng Hạc đi sẽ là cái gì?

Và cộng với mấy nơ – tơ – rôn thì sẽ ra sao?

Tôi trờ đi các dấu than

Tôi cộng với các dấu hỏi

Tôi nếu không miễn trờ thời gian thì câu thơ sẽ bao nhiêu tuổi?

Tôi cộng với lông mao thì khác gì tôi cộng vào lông vũ?

Bay như chim và chạy như chồn

Thì sẽ khác gì tôi?

[2; 605]

Hàng loạt câu hỏi trong hàng loạt bài thơ đã cùng nhà thơ đi tìm câu trả lời về bản thể con người. Những giả định lần lượt đưa ra nhưng đều không thuyết phục được chính chủ thể của nó. Cái tôi triết học trong thơ Chế Lan Viên đi tìm định nghĩa với các cấu trúc thơ dạng:

- P(Danh từ + là + Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất)?

- P(Đại từ nghi vấn + Đại từ nhân xưng ngôi thứ 2 + Vị ngữ)?

- P(Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất + động từ)?

Đại từ nhân xưng ngôi thứ 2 (anh) thực chất chính là tôi, là bản thân chủ thể khi tác giả tự tách mình ra để đối thoại, tự chất vấn mình. Dấu cộng trong "Tôi + Động từ?" "Tôi + Danh từ" chính là câu hỏi lớn nhất trong cuộc đời thơ Chế Lan Viên:

(xem tiếp trang 38)

cụ thể, sinh động như ngay trước mắt, giữa đời thường. Cũng bằng cách này, tác giả có thể dùng lời nhân vật để thay mình phát biểu một số quan niệm về cuộc đời, về thực tế xã hội... mà tác giả không trực tiếp nói ra (“*Con ơi, con không hiểu rằng cả tin chính là sức mạnh để sống hả con*” - lời của Thiếu tướng Nguyễn Thuấn với cô Lại; “*Chuyện ấy là thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ*” - lời của nhân vật Thuỷ; “*Đời người cần không biết bao nhiêu tiền. Chết cũng cần*” - câu nói của Vi, cháu nội của Thiếu tướng Nguyễn Thuấn”).

Tài liệu tham khảo

1. Ashe R.e, *The encyclopedia of Languages and Linguistics* (Tài liệu dịch của Gs Đỗ Hữu Châu).
2. Đỗ Hữu Châu (1992), *Ngữ pháp chức năng dưới ánh sáng của dụng học hiện nay*, Ngôn ngữ số 2, 3.
3. Đỗ Hữu Châu (chủ biên) – Cao Xuân Hạo (1995), *Tiếng Việt 12*, Ban KHXH, NXB Giáo dục.
4. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB Giáo dục.
5. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm.
6. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
7. Hoàng Thị Thanh Huyền (2004), *Các hình thức thoại dẫn trong tiểu thuyết “Đại tá không biết đùa”*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.
8. Phạm Xuân Nguyên (chủ biên) (2001), *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, NXB VH Thông tin
9. Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2009), *Ngữ văn 9 (tập 1)*, NXB Giáo dục.
10. Anh Trúc (tuyển chọn) (2001), *Tuyển tập Nguyễn Huy Thiệp*, NXB Phụ nữ.
11. Mai Thị Hảo Yến (2001), *Hội thoại trong truyện ngắn Nam Cao (Các hình thức thoại dẫn)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 02-06-2010)

(Câu hỏi tu từ... tiếp theo trang 41)

Ta là ai ? và Ta đã làm được gì ? Đó cũng chính là hai câu hỏi mà Chế Lan Viên đã đặt ra từ tập “*Ánh sáng và phù sa*”:

Ta là ai ? như ngọn gió siêu hình

*Câu hỏi hư vô thổi nghìn nền tắt
Ta vì ai ? Khẽ xoay chiều ngọn bắc
Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh.*

[1; 179]

Tuy nhiên, ở tập *Ánh sáng và phù sa*, ngay sau hai câu hỏi, Chế Lan Viên đã tìm được câu trả lời. Nhưng sang tập *Di cảo*, nghĩa là gần đi hết cuộc đời, hai câu hỏi này lại trở lại, thậm chí trở lại liên tiếp, dồn dập nhưng nhà thơ lại không thể trả lời.

4. Trong thơ Chế Lan Viên, dạng CHTT tầng bậc trùng lặp về nội dung hỏi thường là kiểu CHTT tự chất vấn. Nhà thơ đặt ra câu hỏi cho chính mình, và rồi bế tắc khi không thể tìm được câu trả lời. Bởi suy cho cùng, người duy nhất có thể trả lời được những câu hỏi đó là thời gian, là hậu thế, là những người yêu thơ.

Với những CHTT, Chế Lan Viên không chỉ giản đơn là làm sinh động khả năng diễn đạt bằng ngôn từ thi ca, mà còn cho thấy ánh sáng lung linh của trí tuệ - một vẻ đẹp trí tuệ giàu màu sắc phản quang. Và đối với bạn đọc, từ một phương thức diễn đạt là CHTT, đặc biệt là CHTT tầng bậc, đã được hiểu thêm, yêu thêm và đồng cảm với thể giới tâm hồn thơ phong phú, phức tạp, bí ẩn và giàu sắc màu của Chế Lan Viên - một nhà thơ luôn có sức hấp dẫn với bạn đọc.

Tài liệu tham khảo

1. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập* - Tập I - NXB Văn học, H.
2. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập* - Tập II - NXB Văn học, H.
3. D.E.Rosental - M.A.Telenkova(1972) - *Sổ tay từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học* (tiếng Nga) - NXB Giáo dục Matxcova.
4. Henri Morier (1989), *Từ điển thi pháp học và tu từ học* (Tiếng Pháp) - NXB Đại học Pháp.
5. Katie Wales (1987), *Từ điển phong cách học* (tiếng Anh) - NXB Longman.
6. Nguyễn Thái Hoà (2007), *Tập bài giảng chuyên đề phong cách học* - ĐHSP Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-05-2010)